

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 17/06/2020

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dục.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 2 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Tuyết H– sinh năm 1994; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Lã Văn C – sinh năm 1991; vắng mặt

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Chu Thị Tuyết H trình bày: Chị và anh Lã Văn C kết hôn hợp pháp với nhau ngày 16 tháng 08 năm 2012 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Chung tại xóm 2, xã Y và chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh C thường xuyên lơ đãng, chơi bời cờ bạc về nhà đánh đập chị. Vợ chồng mâu thuẫn bản thân chị đã nín nhịn nhiều lần và mong muốn anh C thay đổi để cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng mâu thuẫn dù đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã N sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng đã không còn quan tâm, liên lạc với

nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lã Văn C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung cháu Lã Thị Kim O, sinh ngày 22 tháng 1 năm 2011, thời gian vợ chồng ly thân đến nay cháu ở cùng với anh C. Tại đơn khởi kiện chị H nhận nuôi cháu Lã Thị Kim O. Tuy nhiên do nguyện vọng của cháu O muốn ở với anh C nên tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ chị H đã nhất trí để cháu O cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu O là 1.000.000đ/ tháng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu O đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Lã Văn C hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh C là ông Lã Văn Đ ở xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lã Văn C và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C thông qua bố đẻ anh C là ông Lã Văn Đ. Anh C đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh Chung không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của cháu Lã Thị Kim O thì nguyện vọng cháu muốn ở với bố là anh Lã Văn C để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Tuyết H ly hôn anh Lã Văn C.

- Về con chung: Giao cho anh Lã Văn C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lã Thị Kim O. Chị Chu Thị Tuyết H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Lã Thị Kim O cho anh Lã Văn C là 1.000.000đ/ tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Chu Thị Tuyết H nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chu Thị Tuyết H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lã Văn C có nơi cư trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lã Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Tuyết H và anh Lã Văn C có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 08 năm 2012 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị Tuyết H và anh Lã Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường xuyên lơ đãng, chơi bời cờ bạc về nhà đánh đập chị H. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh C không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh C vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh C không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh C.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y thể hiện: Chị H và anh C có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh C tại xóm 2, xã Y, huyện K được khoảng 3- 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Nhưng từ năm 2017 đến nay thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở chỉ có anh C cùng với con gái là cháu Lã Thị Kim O ở cùng nhau tại bố mẹ đẻ anh C. Nay chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoa và anh Chung đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau 3 năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có một con chung cháu Lã Thị Kim O sinh ngày 22 tháng 1 năm 2011. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu O do anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về phía anh C không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tuy nhiên qua tham khảo ý kiến nguyện vọng của cháu O thì hiện cháu O đang ở với anh C và nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng cháu muốn ở với bố để ổn định việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị H và anh C là như nhau, căn cứ vào tình hình thực tế thì từ khi chị H và anh C ly thân thì cháu O ở với anh C và anh C cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu O. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao cháu O cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu O là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu O trưởng đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Chu Thị Tuyết H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Tuyết H và anh Lã Văn C được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Lã Thị Kim O, sinh ngày 22 tháng 1 năm 2011 cho anh Lã Văn C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Chị Chu Thị Tuyết H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu O là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu O đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Chu Thị Tuyết H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002265 ngày 03 tháng 2 năm

2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị H còn nộp tiếp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã N, huyện K;
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**